

TÒA GIÁM MỤC XUÂN LỘC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH XUÂN LỘC



GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDHBL ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Hoà Bình Xuân Lộc)*

Đồng Nai, năm 2021

(Lưu hành nội bộ)

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh tế vi mô là một trong những nhánh quan trọng của kinh tế học, tập trung nghiên cứu các hành vi cá nhân và doanh nghiệp trong việc ra quyết định và tương tác trên thị trường. Môn học này cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách thức mà các cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp quản lý nguồn lực khan hiếm và đáp ứng nhu cầu của họ trong một môi trường kinh tế không ngừng biến đổi.

Qua quá trình học tập và nghiên cứu kinh tế vi mô, sinh viên sẽ được trang bị các công cụ phân tích cần thiết để hiểu rõ hơn về cấu trúc thị trường, cơ chế giá cả, cạnh tranh và sự phân bổ tài nguyên. Đồng thời, môn học cũng giúp sinh viên nắm bắt được các khái niệm cơ bản như cầu, cung, sự co giãn, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất và chi phí, cũng như vai trò của chính phủ trong việc điều tiết nền kinh tế.

Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Giáo trình Kinh tế vi mô*** dành riêng cho người học trình độ Trung cấp.

Nội dung của giáo trình bao gồm các chương sau:

Chương 1: Tổng quan về kinh tế học

Chương 2: Cung – Cầu

Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng

Chương 4: Lý thuyết hành vi của doanh nghiệp

Chương 5: Cấu trúc thị trường

Chương 6: Thị trường yếu tố sản xuất

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã tham khảo và trích dẫn từ nhiều tài liệu được liệt kê tại mục Danh mục tài liệu tham khảo. Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả của các tài liệu mà chúng tôi đã tham khảo.

Bên cạnh đó, giáo trình cũng không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, phản hồi từ quý đồng nghiệp, các bạn người học và bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn./.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên ThS. Trần Trung Hiếu
2. ThS. Đoàn Việt Anh
3. ThS. Trần Thị Ngọc Lan
4. ThS. Nguyễn Thị Hồng Ngọc

5. Th.S. Bùi Thị Yên

TaiLieu.vn

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	2
MỤC LỤC.....	4
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC	5
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC.....	1
CHƯƠNG 2. CUNG – CẦU.....	18
CHƯƠNG 3. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG.....	36
CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP	45
CHƯƠNG 5. CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG	59
CHƯƠNG 6. THỊ TRƯỜNG YẾU TỐ SẢN XUẤT	78

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Kinh tế vi mô

2. Mã môn học: MH09

3. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học:

3.1. Vị trí: Là môn khoa học cơ sở trong nội dung chương trình đào tạo của nghề kế toán doanh nghiệp, được bố trí giảng dạy trong học kỳ 1 của năm học thứ nhất và sau các môn học chung.

3.2. Tính chất: Kinh tế học vi mô là môn học bắt buộc nghiên cứu cách thức ra quyết định của các chủ thể kinh tế cũng như sự tương tác của họ trên các thị trường cụ thể, là cơ sở để học các môn chuyên môn của nghề.

3.3. Ý nghĩa và vai trò của môn học: môn học này dành cho đối tượng là người học thuộc chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp. Môn học này đã được đưa vào giảng dạy tại trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc từ năm 2021 đến nay. Nội dung chủ yếu của môn học này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học.

4. Mục tiêu của môn học:

4.1. Về kiến thức:

- + A1: Trình bày được các vấn đề kinh tế cơ bản của các chủ thể trong nền kinh tế;
- + A2: Cung cầu và sự hình thành giá cả hàng hóa trên thị trường;
- + A3: Các yếu tố sản xuất; cạnh tranh và độc quyền

4.2. Về kỹ năng:

- + B1: Phân tích được các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp;
- + B2: Xác định được cung cầu, giá cả hàng hóa;
- + B3: Giải thích được hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp;
- + B4: So sánh được thị trường cạnh tranh và độc quyền;
- + B5: Xác định được thị trường các yếu tố sản xuất;

4.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: C1: Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

5. Nội dung của môn học

5.1. Chương trình khung

	Tên môn học, mô đun		Thời gian học tập (giờ)	
				Trong đó

Mã MH/ MD		Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/Thí nghiệm/Bài tập/Thảo luận	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	13	255	106	134	15
MH 01	Giáo dục Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	5	90	42	42	6
II	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	60	1440	405	980	55
II.1	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	15	300	155	127	18
MH 07	Quản trị văn phòng	2	45	25	17	3
MH 08	Soạn thảo văn bản	2	45	25	17	3
MH 09	Kinh tế vi mô	2	45	25	17	3
MH 10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	30	12	3
MH 11	Nguyên lý thống kê	2	45	20	23	2
MH 12	Nguyên lý kế toán	4	75	30	41	4
II.2	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	33	915	164	725	26
MD 13	Kế toán doanh nghiệp 1	5	90	45	40	5

MĐ 14	Kế toán doanh nghiệp 2	4	90	25	60	5
MH 15	Thuế	2	45	20	23	2
MĐ 16	Kế toán quản trị	3	60	25	32	3
MĐ 17	Tin học kế toán excel	4	90	29	57	4
MĐ 18	Tin học kế toán phần mềm	3	60	20	37	3
MH 19	Thực hành lập chứng từ và ghi sổ kế toán	4	120	-	116	4
MĐ 20	Thực tập tốt nghiệp	8	360	-	360	-
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	10	225	86	128	11
MH 21	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	1	30	10	18	2
MH 22	Marketing	2	45	20	23	2
MĐ 23	Kế toán thương mại dịch vụ	2	45	18	25	2
MĐ 24	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	45	18	25	2
MĐ 25	Kế toán thuế	3	60	20	37	3
TỔNG CỘNG		75	71	1695	511	1114

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập,...

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm hiểu thực tế về công tác xây dựng phương án khắc phục và phòng ngừa rủi ro tại doanh nghiệp.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo Trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2017/TT-LĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Hòa Bình Xuân Lộc như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Chuẩn đầu ra đánh giá	Số cột	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	A1, A2, A3, B1, B2, B3, C1,	1	Sau 4 giờ.
Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm/ Báo cáo	A3, B4, C1	3	Sau 8 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	A1, A2, A3, B1, B2, B3, B4, B5,	1	Sau 45 giờ

			C1,		
--	--	--	-----	--	--

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng Trung cấp kế toán doanh nghiệp

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

* **Bài tập:** Phân chia nhóm nhỏ thực hiện bài tập theo nội dung đề ra.

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 70% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >30% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

- "Kinh Tế Vi Mô: Cơ Bản và Nâng Cao" – Phạm Văn Hùng (2018): Tài liệu này bao gồm cả lý thuyết cơ bản và các khái niệm nâng cao về kinh tế vi mô, giúp người đọc hiểu rõ hơn về cách các yếu tố kinh tế tương tác.
- "Giáo Trình Kinh Tế Vi Mô" – Trần Thị Mai (2020): Đây là giáo trình giảng dạy cung cấp các khái niệm và mô hình kinh tế vi mô, cùng với các bài tập thực hành để nâng cao kỹ năng phân tích.
- "Kinh Tế Vi Mô: Nguyên Tắc và Ứng Dụng" – Nguyễn Văn Tuấn (2019): Tài liệu này tập trung vào nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô và cách áp dụng chúng vào các tình huống thực tiễn.
- "Kinh Tế Vi Mô: Một Cách Tiếp Cận Thực Hành" – Nguyễn Minh Tuấn (2021): Sách này cung cấp cái nhìn thực hành về các khái niệm kinh tế vi mô, với nhiều bài tập và tình huống để người học áp dụng kiến thức.

Tailieu.vn

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Kinh tế học nghiên cứu cách thức mà con người và xã hội lựa chọn sử dụng các nguồn lực khan hiếm cho nhiều mục đích khác nhau để sản xuất hàng hóa và phân phối tiêu dùng chúng cho các cá nhân và các nhóm người trong hiện tại và tương lai.

❖ MỤC TIÊU CHƯƠNG 1

Sau khi học xong chương này, người học có khả năng:

Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, phân loại, phương pháp nghiên cứu kinh tế học và lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu; Thực hiện được các bài tập tình huống, phân biệt chính xác kinh tế vi mô và vĩ mô;

➤ **Về kỹ năng:** lắng nghe, thuyết trình, làm việc nhóm.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- *Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (điển giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).*
- *Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.*

❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không
- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.
- **Các điều kiện khác:** Không có

❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

- **Nội dung:**
 - ✓ **Kiến thức:** Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
 - ✓ **Kỹ năng:** Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.

- ✓ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*
 - + *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*
 - + *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*
 - + *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*
 - + *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*
- **Phương pháp:**
 - ✓ *Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)*
 - ✓ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: không có*

❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 1

1. Nền kinh tế

Nền kinh tế là một cơ chế phân bổ các nguồn lực khan hiếm cho các nhu cầu cạnh tranh nhau.

Để hiểu được một nền kinh tế hoạt động như thế nào, chúng ta phải xem xét cách thức tổ chức của một nền kinh tế và phương pháp tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế với nhau trong quá trình ra quyết định kinh tế.

1.1 Các chủ thể kinh tế

Trong một nền kinh tế có ba nhóm chủ thể ra quyết định về việc sử dụng các nguồn lực khan hiếm. Đó là: Doanh nghiệp, hộ gia đình và Chính phủ.

Hộ gia đình: Là người tiêu dùng các hàng hoá và dịch vụ được sản xuất ra trong nền kinh tế. Đây là người quyết định số lượng hàng hóa và dịch vụ được mua trên thị trường đầu ra. Đồng thời, hộ gia đình là người sở hữu và cho thuê các yếu tố sản xuất trên thị trường đầu vào.

Doanh nghiệp: Là người sản xuất ra các hàng hoá và dịch vụ cung ứng cho nền kinh tế. Đây là người quyết định việc phân bổ các nguồn lực để sản xuất ra các hàng hóa và dịch vụ trên thị trường đầu ra. Đồng thời là người thuê và sử dụng các yếu tố sản xuất trên thị trường đầu vào.

Chính phủ: Là người ban hành các quy định và luật lệ phù hợp, tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho sự hoạt động của các chủ thể kinh tế khác nhau trên thị trường. Bằng cách thay đổi các quy định và luật lệ, Chính phủ có thể làm thay đổi sự lựa chọn của các doanh nghiệp và các hộ gia đình để điều chỉnh các hoạt động kinh tế theo những mục tiêu nhất định.

1.2 Các yếu tố sản xuất

Các yếu tố sản xuất là các đầu vào dùng để sản xuất ra sản phẩm cho xã hội. Bao gồm:

Lao động (L): Là khả năng sản xuất của con người. Thu nhập từ lao động là tiền lương (w)

Đất đai (Đ): Là nguồn lực tự nhiên. Thu nhập từ đất đai là tiền thuê đất (r)

Vốn (K): Là phương tiện sản xuất để tạo ra sản phẩm. Thu nhập từ vốn là tiền lãi (i)

1.3 Ba vấn đề kinh tế cơ bản

Một nền kinh tế muốn tồn tại và phát triển được cần phải giải quyết 3 vấn đề kinh tế cơ bản: Sản xuất cái gì?, Sản xuất như thế nào?, Sản xuất cho ai?

1.3.1 Sản xuất cái gì?

Quyết định sản xuất cái gì chính là quyết định sản xuất hàng hoá, dịch vụ nào, với số lượng bao nhiêu; khi nào thì sản xuất và cung ứng ra thị trường.

Nhu cầu của xã hội về hàng hóa và dịch vụ rất phong phú đa dạng và ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Song trên thực tế, nhu cầu là vô hạn trong khi khả năng khả năng thanh toán lại có hạn, xã hội và người tiêu dùng phải lựa chọn nhu cầu cần thiết hơn và cần thiết nhất. Các nhu cầu này sẽ được xã hội, người tiêu dùng ưu tiên hơn và khả năng thanh toán của các nhu cầu này sẽ cao hơn. Tổng các nhu cầu có khả năng thanh toán của xã hội, của người tiêu dùng chính là nhu cầu có khả năng thanh toán của thị trường. Nhu cầu này là căn cứ, là xuất phát điểm để định hướng cho Chính phủ và các nhà kinh doanh trong việc đưa ra các quyết định về sản xuất.

Trên thị trường, *giá cả là phương tiện phát tín hiệu* báo cho các nhà kinh doanh biết cần phải sản xuất và cung ứng cái gì để có lợi nhất. Giá cả là "bàn tay vô hình" điều khiển thị trường, điều khiển quan hệ cung cầu và giúp người sản xuất lựa chọn quyết định sản xuất tối ưu.

1.3.2 Sản xuất như thế nào?

Quyết định sản xuất như thế nào chính là quyết định về phương pháp sản xuất, hình thức công nghệ và cách phối hợp các đầu vào tối ưu.

Sau khi lựa chọn được cần sản xuất cái gì, Chính phủ và các nhà kinh doanh phải xem xét và lựa chọn việc sản xuất như thế nào để có lợi nhuận cao nhất. Động cơ lợi nhuận đã khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm, lựa chọn các phương pháp sản xuất có hiệu quả nhất.

1.3.3 Sản xuất cho ai?

Quyết định sản xuất cho ai chính là quyết định về việc phân phối thu nhập. Cần phải xác định rõ ai sẽ được hưởng lợi từ những hàng hoá và dịch vụ sản xuất ra.

Thị trường quyết định giá cả của các yếu tố sản xuất. Do đó, thị trường cũng quyết định thu nhập của các đầu ra - thu nhập về hàng hóa, dịch vụ. Thu nhập của xã hội, của tập thể hay của cá nhân phụ thuộc vào quyền sở hữu và giá cả của các hàng hóa dịch vụ. Vấn đề mấu chốt cần giải quyết là những hàng hoá và dịch vụ sản xuất được phân phối cho ai để vừa có thể kích thích mạnh mẽ sự phát triển kinh tế, vừa bảo đảm sự công bằng xã hội.

Về nguyên tắc cần bảo đảm cho mọi người lao động được hưởng lợi từ những hàng hóa và dịch vụ của doanh nghiệp đã tiêu thụ, căn cứ vào những cống hiến của họ (cả lao động sống và lao động vật hóa) đối với quá trình sản xuất ra những hàng hóa và dịch vụ, đồng thời cần chú ý thỏa đáng đến những vấn đề xã hội.

Quá trình phát triển kinh tế của mỗi nước, mỗi ngành, mỗi doanh nghiệp chính là quá trình lựa chọn để quyết định tối ưu ba vấn đề kinh tế cơ bản trên. Song việc lựa chọn để quyết định tối ưu ba vấn đề kinh tế cơ bản còn phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội, vào hệ thống kinh tế, vào mức độ can thiệp của Chính phủ và chế độ chính trị - xã hội của mỗi nước.

1.4 Các mô hình kinh tế

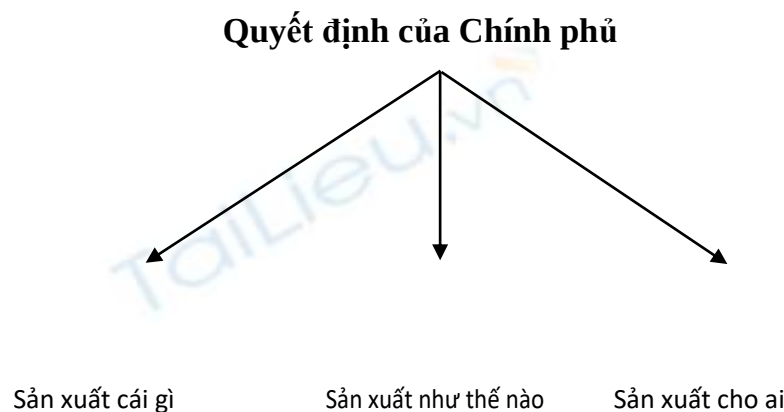
Có 3 mô hình kinh tế chủ yếu là mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung, mô hình kinh tế thị trường, mô hình kinh tế hỗn hợp

1.4.1 Mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung

Là mô hình kinh tế trong đó Chính phủ đưa ra mọi quyết định liên quan đến việc phân bổ nguồn lực của xã hội.

Trong mô hình này việc lựa chọn 3 vấn đề kinh tế cơ bản: sản xuất cái gì? sản xuất như thế nào? và sản xuất cho ai? đều do Chính phủ quyết định

Mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung



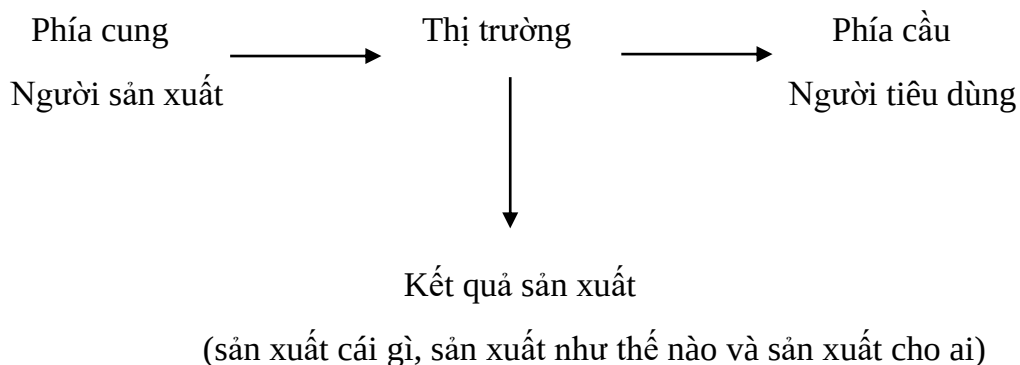
Nhược điểm của mô hình này là: kém hiệu quả, kém linh hoạt và thiếu động lực khuyến khích các chủ thể trong nền kinh tế.

1.4.2 Mô hình kinh tế thị trường

Là mô hình kinh tế trong đó thị trường đưa ra mọi quyết định liên quan đến việc phân bổ nguồn lực của xã hội.

Trong mô hình nền kinh tế thị trường việc lựa chọn ba vấn đề kinh tế cơ bản: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai đều được thực hiện thông qua hoạt động của quan hệ cung cầu và giá cả trên thị trường.

Mô hình nền kinh tế thị trường



Nền kinh tế thị trường tôn trọng các hoạt động của thị trường, quy luật của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Kinh tế thị trường là nền kinh tế năng động và khách quan

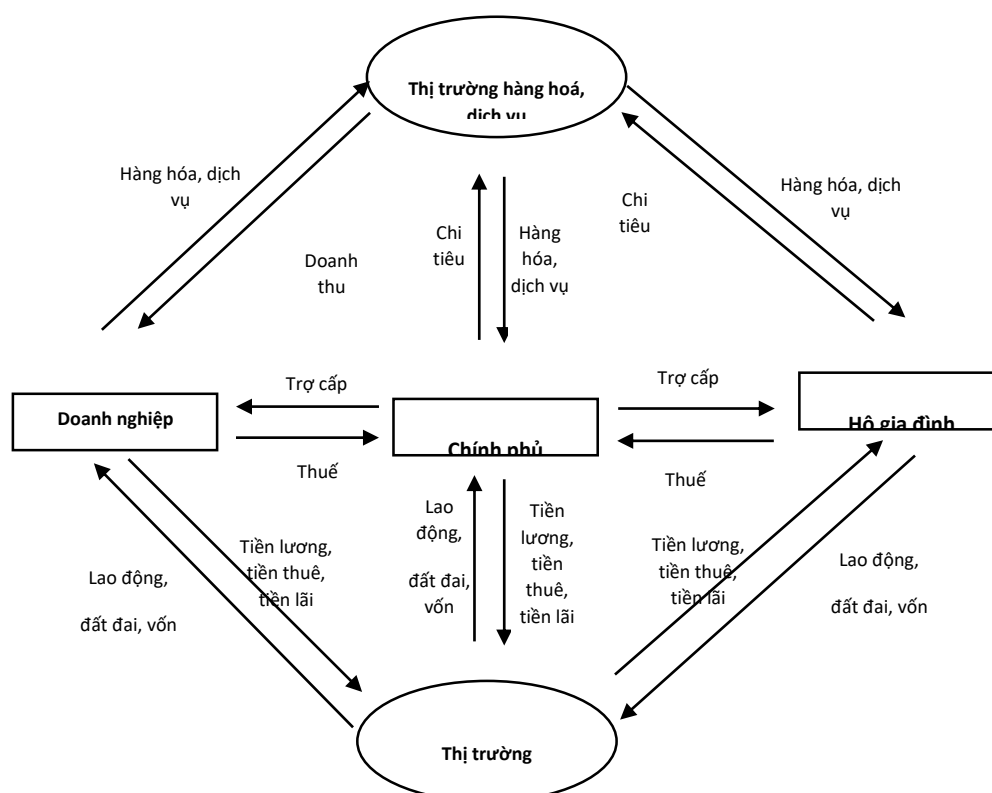
1.4.3 Mô hình kinh tế hỗn hợp

Là mô hình kinh tế kết hợp mô hình kinh tế thị trường với mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

Nền kinh tế hỗn hợp đòi hỏi trước hết phải phát triển các quan hệ cung cầu, cạnh tranh, tôn trọng vai trò của thị trường, lấy lợi nhuận làm mục tiêu và động cơ phấn đấu. Mặt khác, cũng đòi hỏi phải tăng cường vai trò và sự can thiệp của Chính phủ để khắc phục những khuyết tật của nền kinh tế thị trường.

1.5 Sơ đồ hoạt động của nền kinh tế

Nền kinh tế thường xuyên trong trạng thái động. Các yếu tố sản xuất di chuyển từ khu vực người tiêu dùng sang khu vực kinh doanh. Khu vực kinh doanh sử dụng các yếu tố để sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Để đổi lại việc cung cấp các yếu tố sản xuất, người tiêu dùng nhận được thu nhập thông qua lương, tiền cho thuê, tiền lãi và lợi nhuận. Nguồn thu nhập này sau đó lại được sử dụng để mua sắm hàng hóa và dịch vụ. Các hoạt động này được thể hiện thông qua sơ đồ hoạt động của nền kinh tế.



Hình 1.1: Sơ đồ hoạt động của nền kinh tế

Nền kinh tế thường phức tạp hơn nhiều những gì mà chúng ta đã mô tả ở trên. Song sơ đồ này rất hữu ích trong việc hiểu và phân tích phương thức hoạt động của một nền kinh tế.

2. Kinh tế học

2.1 Khái niệm

Kinh tế học là môn khoa học nghiên cứu phương thức xã hội phân bổ các nguồn lực khan hiếm để sản xuất ra các hàng hóa và dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của các thành viên trong xã hội.

Kinh tế học là môn khoa học xã hội, môn khoa học nghiên cứu và giải thích hành vi của con người liên quan đến sản xuất, trao đổi và sử dụng các hàng hoá, dịch vụ. Các hành vi kinh tế rất phức tạp. Vì vậy, cần phải xây dựng những lý thuyết và mô hình kinh tế để hiểu biết và phân tích các hoạt động kinh tế.

Lý thuyết

Lý thuyết là sự diễn giải mang tính giả định những mối quan hệ giữa các biến số mà chúng ta có thể quan sát được thông qua các quan hệ kinh tế. Các lý thuyết được xây dựng để giải thích các hiện tượng, được kiểm định qua các quan sát thực tế và được sử dụng để hình thành những mô hình kinh tế và được sử dụng để hình thành những mô hình kinh tế, từ đó có thể đưa ra được các dự đoán chính xác.

Mô hình kinh tế

Mô hình kinh tế mô tả mối quan hệ giữa hai hoặc nhiều biến số kinh tế. Các nhà kinh tế thường sử dụng các mô hình kinh tế để phân tích các hoạt động kinh tế và dự đoán sự thay đổi của biến kia.

Các mô hình được xây dựng trên cơ sở các giả định và thường dùng các đồ thị và phương trình để biểu diễn. Mô hình cho phép chúng ta đơn giản hóa thực tế để dễ dàng phân tích các vấn đề kinh tế.

Sử dụng lý thuyết và mô hình kinh tế giúp chúng ta áp dụng các kết quả phân tích để nghiên cứu các vấn đề kinh tế cơ bản mà mỗi xã hội cần phải giải quyết. Tuy nhiên, thế giới hiện thực không đơn giản như các mô hình được xây dựng. Các mô hình chỉ là ước lượng. Nếu một mô hình không chính xác, không đầy đủ hoặc nếu thế giới thực thay đổi thì cần xây dựng một mô hình mới.

2.2 Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô

Mặc dù nghiên cứu kinh tế bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau như thương mại quốc tế, tiền tệ và ngân hàng, lao động ... nhưng lý thuyết kinh tế cơ bản có thể được chia thành hai phân ngành lớn là: kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô.

2.2.1 Kinh tế học vi mô

Kinh tế học vi mô nghiên cứu những vấn đề kinh tế cụ thể của các đơn vị kinh tế trong nền kinh tế.

Kinh tế học vi mô nghiên cứu chi tiết các quyết định cá nhân về các hàng hoá cụ thể. Nó giải thích vì sao các đơn vị kinh tế lại đưa ra sự lựa chọn và làm thế nào để có được sự lựa chọn đó.

VD: Trong kinh tế học vi mô người ta nghiên cứu tại sao người tiêu dùng lại thích xe máy hơn xe đạp và người sản xuất quyết định như thế nào trong việc lựa chọn sản xuất xe đạp hay xe máy.

2.2.2 Kinh tế học vĩ mô

Nghiên cứu sự lựa chọn những vấn đề kinh tế tổng thể của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Kinh tế học vĩ mô thường đơn giản hóa các vấn đề riêng biệt trong phân tích để nhấn mạnh quá trình tương tác của nền kinh tế đối với việc quyết định ba vấn đề kinh tế cơ bản. Kinh tế học vĩ mô tập trung phân tích việc phân bổ nguồn lực để đạt được các mục tiêu kinh tế tổng quát cho toàn bộ nền kinh tế như: Tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp.....

Ví dụ: Các nhà kinh tế học vĩ mô thường không quan tâm đến việc phân loại hàng hóa tiêu dùng thành xe máy, xe đạp hay tivi, tủ lạnh.....Họ nghiên cứu chúng dưới dạng một nhóm gọi là “Hàng tiêu dùng”. Họ quan tâm tới việc nghiên cứu sự tương tác giữa quyết định mua hàng tiêu dùng của tất cả các hộ gia đình và quyết định sản xuất của tất cả các doanh nghiệp.

Sự khác nhau của Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô.

Kinh tế học Vi mô quan tâm đến mục tiêu hiệu quả của từng đơn vị kinh tế.

Kinh tế học Vĩ mô quan tâm đến mục tiêu hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

Có thể coi kinh tế học Vĩ mô là nghiên cứu về một khu rừng còn kinh tế học Vi mô là cây cối trong khu rừng đó.

2.3 Phương pháp nghiên cứu kinh tế học

Cũng giống như phương pháp nghiên cứu các môn học khác, môn kinh tế học dựa trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Đồng thời gắn chặt việc nghiên cứu lý luận, phương pháp luận với thực hành. Kinh tế học nghiên cứu các tình huống kinh tế phát sinh trong thực tế để tìm cách giải quyết tốt nhất. Đó chính là việc gắn nghiên cứu lý luận với thực tiễn sinh động, phong phú, phức tạp của các hoạt động kinh tế. Ngoài ra kinh tế học còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác

2.3.1 Phương pháp xây dựng các mô hình kinh tế. để lượng hóa các quan hệ kinh tế.

Vì thực tế rất phức tạp, để đơn giản hóa, các nhà kinh tế đã xây dựng các mô hình kinh tế bằng cách chỉ chọn một số biến cơ bản. Việc đơn giản hóa được thực hiện bằng cách đưa ra các giả định. Đơn giản hóa không có nghĩa là không tính đến sự phức tạp của thế giới thực tế mà đó là quá trình cần thiết để phát hiện ra thế giới thực tế đầy phức tạp.

2.3.2 Phương pháp lựa chọn

Lựa chọn tối ưu các hoạt động kinh tế Vi mô là vấn đề cốt lõi, xuyên suốt của kinh tế học Vi mô nên phải nắm vững phương pháp lựa chọn. Từ đó rút ra được tính tất yếu và xu hướng phát triển của các hoạt động kinh tế.

2.3.3 Phương pháp cân bằng

Kinh tế học Vi mô sử dụng chủ yếu phương pháp phân tích cân bằng bộ phận. Theo phương pháp này, kinh tế học vi mô bỏ qua sự tương tác của một hành vi kinh tế với toàn bộ nền kinh tế.

Kinh tế học Vĩ mô sử dụng chủ yếu phương pháp phân tích cân bằng tổng thể. Theo phương pháp này, kinh tế học vĩ mô xem xét cân bằng đồng thời của tất cả các thị trường, của các hàng hóa và các nhân tố để xác định đồng thời giá cả và sản lượng cân bằng trong toàn bộ nền kinh tế.

3. LỰA CHỌN KINH TẾ TỐI ƯU

3.1 Lý thuyết lựa chọn

3.1.1 Khái niệm

Lựa chọn là cách thức mà các cá nhân và các doanh nghiệp đưa ra quyết định tối ưu về việc sử dụng các nguồn lực của họ.

Lý thuyết lựa chọn tìm cách giải thích có cơ sở khoa học cho các quyết định của cá nhân và doanh nghiệp. Nó cố gắng giải thích tại sao họ lại lựa chọn như vậy và cách thức sự lựa chọn.

3.1.2 Sự cần thiết phải lựa chọn

- Sự lựa chọn là cần thiết vì nhu cầu của con người vô hạn trong khi đó nguồn lực lại chỉ có hạn. (Nguồn lực có hạn nghĩa là khối lượng sản phẩm đầu ra cũng có hạn)
- Sự lựa chọn có thể thực hiện được vì một nguồn lực được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau và chúng có thể thay thế được cho nhau trong sản xuất hoặc trong tiêu dùng.

3.1.3 Mục tiêu của sự lựa chọn

- Đối với người sản xuất, việc lựa chọn nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận
- Đối với người tiêu dùng, lựa chọn để tối đa hoá lợi ích tiêu dùng
- Đối với Chính Phủ, lựa chọn nhằm tối đa hoá phúc lợi xã hội

3.1.4 Căn cứ của sự lựa chọn

Khái niệm hữu ích nhất được sử dụng trong lý thuyết lựa chọn là chi phí cơ hội. *Chi phí cơ hội* là giá trị của cơ hội tốt nhất hoặc phương án kinh doanh tốt nhất bị bỏ qua khi đưa ra một sự lựa chọn kinh tế.